

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÒNG NGỪA XÂM HẠI CHO HỌC SINH Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Phạm Thị Thuý Hằng^{1,+},
Nguyễn Thị Vân Anh²

¹Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế;

²Trường Tiểu học Trần Phú, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

+ Tác giả liên hệ • Email: pthang.dhsp@hueuni.edu.vn

Article history

Received: 27/4/2024

Accepted: 21/5/2024

Published: 20/8/2024

Keywords

Prevention, abuse prevention, educational activities, abuse prevention education activities, primary school students

ABSTRACT

Child abuse is one of the alarming issues, becoming increasingly serious with the increasing number of abused children in countries around the world and in Vietnam. Abuse prevention education to form children's ability to recognize abusive behavior, protect themselves, and stay away from the risk of being abused has become urgent and humane. The article explores the current situation of abuse prevention education for primary school students in Trảng Bom district, Dong Nai province, regarding the following contents: raising awareness of Children's Rights and Child Abuse; educating skills to prevent and respond to child abuse; educating supporting skills to prevent and respond to child abuse; Educating attitudes towards child abuse. The survey results are a practical basis to implement abuse prevention education for students in elementary schools with appropriate measures to improve the effectiveness of this work.

1. Mở đầu

Xâm hại trẻ em (XHTE) được coi là trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu (adverse childhood experience - ACE) có thể có tác động nghiêm trọng, lâu dài đến sức khỏe thể chất và tinh thần tổng thể của một người (Felitti et al., 1998). Tại Hoa Kỳ, số liệu công bố năm 2023 cho thấy, 51 tiểu bang đã báo cáo có 588.229 nạn nhân trẻ em bị lạm dụng và bỏ bê, trong đó 3/4 (76,0%) nạn nhân bị bỏ rơi, 16,0% bị xâm hại thể chất, 10,1% bị xâm hại tình dục và 0,2% bị buôn bán tình dục (U.S. Department of Health & Human Services, 2023). Tại châu Á, lạm dụng tình dục trẻ em là một trong những vấn đề sức khỏe cộng đồng lớn đáng lo ngại, từ 2,2-94% ở bé gái và 1,7-49,5% ở bé trai (Solehati et al., 2021). Tại Việt Nam, theo số liệu thống kê của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Cục Trẻ em (2022), trong quý I năm 2022, tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em 111 đã tiếp nhận hơn 202.000 cuộc gọi, tư vấn, trong đó có các trường hợp bị bạo lực, xâm hại tình dục, bắt cóc, mất tích hoặc bị bỏ rơi. Thống kê của Bộ Công an cho biết, toàn quốc trong năm 2022, đã phát hiện 1.711 vụ XHTE với 1.806 trẻ em (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Cục Trẻ em, 2022). Như vậy, tình trạng XHTE ở nước ta đang diễn ra với mức độ đáng báo động. Walsh và cộng sự (2015) nhấn mạnh chiến lược phòng ngừa XHTE được sử dụng rộng rãi nhất là cung cấp chương trình giáo dục tại trường tiểu học. Các tổ chức bảo vệ trẻ em đều khẳng định phòng ngừa là công tác quan trọng nhất để hạn chế nạn XHTE (Vũ Thị Phương, 2017). Vì thế, việc coi trọng giáo dục phòng ngừa XHTE mang ý nghĩa nhân văn và cấp thiết.

Bài báo nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục phòng ngừa XHTE cho HS một số trường tiểu học huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai ở các phương diện: (1) Giáo dục nhận thức về Quyền trẻ em và XHTE; (2) Giáo dục kỹ năng phòng ngừa và ứng phó với XHTE; (3) Giáo dục kỹ năng hỗ trợ phòng ngừa và ứng phó với XHTE; (4) Giáo dục thái độ phù hợp đối với XHTE. Kết quả khảo sát là cơ sở thực tiễn để các chủ thể thực hiện giáo dục phòng ngừa xâm hại cho HS ở trường tiểu học có các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này trên địa bàn.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát về giáo dục phòng ngừa xâm hại cho học sinh tiểu học

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

- XHTE. Theo Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (United Nations Children's Fund, 2023), XHTE là bất kì hành động nào có chủ ý và làm tổn thương hoặc gây nguy hại đến trẻ, là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác. Các hình thức XHTE bao gồm: (1) Bạo lực tinh thần; (2) Bạo lực thể chất, ngược đãi; (3) Xao nhãng; (4) Xâm hại tình dục.

- *Phòng ngừa XHTE*: Các định nghĩa về xâm hại đều có điểm thống nhất khi đề cập đến khía cạnh một người cố tình làm tổn thương người khác. Phòng ngừa là việc chủ động ngăn chặn nhằm loại bỏ những nguyên nhân có thể gây ra những rủi ro gây nguy hại trước khi chúng xảy ra, trong đó, giáo dục, tư vấn kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ là một trong các biện pháp bảo vệ cấp độ phòng ngừa (Quốc hội, 2016). Như vậy, “phòng ngừa XHTE” được hiểu là việc các lực lượng giáo dục thực hiện các biện pháp đặc biệt nhằm bảo vệ, giúp đỡ trẻ em tránh khỏi những nguy cơ xâm hại, trong đó, tổ chức giáo dục phòng chống xâm hại cho HS là một trong các biện pháp cần được triển khai nhằm hình thành và phát triển kỹ năng tự bảo vệ bản thân và ứng phó hiệu quả trước nguy cơ xâm hại.

2.1.2. Giáo dục phòng ngừa xâm hại cho học sinh tiểu học

Giáo dục phòng ngừa xâm hại là hệ thống tri thức, thái độ và hành vi có liên quan đến XHTE và phòng ngừa XHTE được giáo dục cho HS. Nội dung giáo dục này chịu sự chi phối của mục tiêu giáo dục, tạo nên nội dung hoạt động của nhà giáo dục và người được giáo dục (Nguyễn Văn Hộ và Hà Thị Đức, 2002).

Căn cứ yêu cầu cần đạt theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp tiểu học (Bộ GD-ĐT, 2018), căn cứ mục tiêu giáo dục phòng chống xâm hại cho HS nhằm trang bị tri thức, bồi dưỡng thái độ và hình thành, phát triển các kỹ năng/hành vi tự bảo vệ bản thân trước các tình huống có nguy cơ xâm hại và các nghiên cứu về phòng ngừa XHTE (Walsh et al., 2015; Nguyễn Thanh Hùng và Phạm Thị Thúy Hằng, 2019; Phạm Thị Thúy Hằng và cộng sự, 2019); các văn bản pháp lý có liên quan đến phòng ngừa XHTE (Quốc hội, 2016; Thủ tướng Chính phủ, 2019), chúng tôi xác định công tác giáo dục phòng ngừa xâm hại cho HS tiểu học bao gồm:

- *Giáo dục nhận thức về Quyền trẻ em và XHTE*: Những điều mà trẻ em được làm, được nhận, được hưởng theo sự công nhận của pháp luật về Quyền trẻ em (Liên Hợp Quốc, 1990); Các hình thức XHTE; Biểu hiện của các tình huống báo động nguy cơ xâm hại; Hậu quả các hình thức xâm hại; Tầm quan trọng của kỹ năng phòng chống xâm hại; Quy tắc giữ không gian an toàn cá nhân.

- *Giáo dục kỹ năng phòng ngừa và ứng phó với xâm hại*: (1) *Giáo dục kỹ năng phòng ngừa xâm hại*: Hình thành cho HS các kỹ năng: Kỹ năng giữ không gian an toàn cá nhân; Kỹ năng quan sát, nhận biết các tình huống có nguy cơ xâm hại; Kỹ năng đánh giá mức độ nghiêm trọng của tình huống có nguy cơ xâm hại; Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề sau khi nhận diện được các biểu hiện có nguy cơ xâm hại; (2) *Giáo dục kỹ năng ứng phó với xâm hại*: Hình thành cho HS các kỹ năng: Kỹ năng chống trả, phản kháng ngay lập tức thông qua thái độ, lời nói và hành động; Kỹ năng thoát khỏi tình huống nguy cơ xâm hại; Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ từ những cá nhân/tổ chức trước nguy cơ xâm hại.

- *Giáo dục kỹ năng hỗ trợ phòng ngừa và ứng phó với xâm hại cho HS*: Kỹ năng ứng phó với căng thẳng; Kỹ năng quản lý cảm xúc tiêu cực; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng thương lượng; Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn,...

- *Giáo dục thái độ phù hợp đối với hành vi XHTE cho HS*: bồi dưỡng thái độ tích cực của HS đối với vấn đề phòng ngừa XHTE cho bản thân và người khác góp phần xây dựng cộng đồng, xã hội văn minh, lành mạnh, tốt đẹp như: Thái độ tôn trọng cơ thể, nhân phẩm của mình và người khác; Thái độ có trách nhiệm trong việc bảo vệ cơ thể; Thái độ lên án, phản đối những hành vi XHTE; Thái độ cảm thông, chia sẻ đối với những nạn nhân bị xâm hại; Tích cực, trách nhiệm trong việc tuyên truyền về phòng chống XHTE.

2.2. Khảo sát thực trạng giáo dục phòng ngừa xâm hại cho học sinh ở một số trường tiểu học huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

2.2.1. Khái quát chung về khảo sát

- *Đối tượng khảo sát*: 48 CBQL (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn) và 202 GV tại 6 trường tiểu học trên địa bàn huyện Trảng Bom, Đồng Nai (Tiểu học Trần Phú, Tiểu học Trung Vương, Tiểu học Cao Bá Quát, Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh, Tiểu học Đức Trí, Tiểu học Kim Đồng).

- *Phương pháp khảo sát và xử lý số liệu*: Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phát trực tiếp đến các đối tượng khảo sát. Trong phiếu hỏi, câu hỏi điều tra được thiết kế theo thang đo Likert 5 bậc. Cụ thể mức độ thực hiện/mức độ hiệu quả được quy ước như sau: Rất thường xuyên/Tốt ($4,21 \leq M \leq 5$); Thường xuyên/Khá ($3,41 \leq M < 4,20$); Bình thường/Trung bình ($2,61 \leq M < 3,40$); Ít thực hiện/Yếu ($1,81 \leq M < 2,60$); Không thực hiện/Kém ($1,0 \leq M < 1,80$). Số liệu điều tra được xử lý thông qua phần mềm SPSS với các đại lượng: **M**: Điểm trung bình; **SD**: Độ lệch chuẩn; **TB**: Thứ bậc; **Sig.**: giá trị kiểm định khác biệt M (T-test); **r**: Hệ số tương quan; *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$.

Sử dụng kiểm định Cronbach's Alpha để đánh giá độ phù hợp giữa các biến (item), kết quả cho thấy hệ số tin cậy Cronbach's Alpha = 0,870, hệ số tương quan giữa từng item và tổng thang đo đều lớn 0,3. Như vậy, phiếu hỏi là đảm bảo những yêu cầu cần thiết của một công cụ nghiên cứu, các câu hỏi trong bảng hỏi có độ tin cậy tốt.

- *Thời gian khảo sát*: từ tháng 01 đến tháng 3/2024.

2.2.2. Kết quả khảo sát

2.2.2.1. Thực trạng giáo dục nhận thức về Quyền trẻ em, Xâm hại trẻ em cho học sinh tiểu học

Bảng 1. Ý kiến của CBQL và GV về hoạt động giáo dục nhận thức về Quyền trẻ em và XHTE cho HS

Giáo dục nhận thức về Quyền trẻ em và XHTE	Đối tượng	Mức độ thực hiện				Mức độ hiệu quả				r
		M	SD	Sig.	TB	M	SD	Sig.	TB	
Quyền trẻ em	CBQL	3.58	0.88	0.07	6	3.93	0.74	0,09	2	0.09*
	GV	3.56	0.93			3.96	0.84			
	Chung	3.56	0.92			3.95	0.82			
Các hình thức XHTE	CBQL	3.53	0.88	0.17	3	3.37	0.69	0,23	7	0.08*
	GV	3.58	0.75			3.38	0.69			
	Chung	3.65	0.74			3.38	0.69			
Biểu hiện của các tình huống bạo động nguy cơ xâm hại	CBQL	3.63	0.79	0.52	5	3.60	0.85	0,18	6	0.02*
	GV	3.53	0.75			3.54	0.73			
	Chung	3.58	0.75			3.55	0.75			
Mức độ nguy hiểm của tình huống có nguy cơ xâm hại	CBQL	3.33	0.87	0.22	7	3.88	0.76	0,29	3	0.10*
	GV	3.77	0.85			3.55	0.88			
	Chung	3.49	0.77			3.60	0.87			
Hậu quả các hình thức xâm hại đối với trẻ em	CBQL	4.16	0.87	0.06	1	3.58	0.79	0,34	4	0.07*
	GV	3.68	0.79			3.56	0.93			
	Chung	3.84	0.87			3.57	0.91			
Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc hình thành kỹ năng phòng chống xâm hại	CBQL	3.60	0.88	0.15	2	4.33	0.89	0,23	1	0.03*
	GV	3.68	0.79			4.09	1.03			
	Chung	3.67	0.81			4.13	1.01			
Quy tắc giữ không gian an toàn cá nhân	CBQL	3.58	0.85	0.07	4	3.49	0.86	0,08	5	0.09*
	GV	3.61	0.76			3.57	0.83			
	Chung	3.61	0.77			3.56	0.83			

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, có sự tương đồng nhất định về thứ bậc mức độ và hiệu quả thực hiện ở các nội dung khảo sát; trong đó, CBQL và GV đánh giá thực trạng giáo dục nhận thức về Quyền trẻ em và XHTE cho HS ở mức độ “thường xuyên” (M chung = 3,49-3,84), đồng thời đánh giá hiệu quả của các nội dung này ở mức “Khá” đối với 6 nội dung (M chung = 3,55-4,13) và có 1 nội dung được đánh giá ở mức “Trung bình” (M chung = 3,38), đó là “Hình thức XHTE (Bạo lực tinh thần; Bạo lực thể chất, ngược đãi; Xao nhãng; Xâm hại tình dục)”. Kết quả kiểm định t-test chi rõ, không có sự khác biệt có ý nghĩa về M trong đánh giá của CBQL và GV về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện giáo dục nhận thức về Quyền trẻ em và XHTE cho HS (Sig. > 0.05). Nhìn chung việc thực hiện nội dung giáo dục này cho HS tiểu học trên địa bàn ở mức thường xuyên nhưng hiệu quả chưa cao.

Kết quả kiểm nghiệm tương quan Pearson cho thấy, trong từng nội dung, mức độ thường xuyên và tính hiệu quả có mối quan hệ tương quan thuận ($r=0.02-0.09$, $p<0.05$). Kết quả này chứng tỏ rằng, trường tiểu học càng quan tâm thực hiện giáo dục nhận thức về Quyền trẻ em và XHTE cho HS thường xuyên thì mức độ hiệu quả càng cao.

2.2.2.2. Thực trạng giáo dục kỹ năng phòng ngừa và ứng phó với xâm hại cho học sinh tiểu học

Bảng 2. Ý kiến của CBQL và GV về hoạt động giáo dục kỹ năng phòng ngừa và ứng phó với xâm hại cho HS

Giáo dục kỹ năng phòng ngừa và ứng phó với xâm hại	Đối tượng	Mức độ thực hiện				Mức độ hiệu quả				r
		M	SD	Sig.	TB	M	SD	Sig.	TB	
Kỹ năng phòng ngừa xâm hại										
Kỹ năng giữ không gian an toàn cá nhân	CBQL	3.44	0.95	0,12	2	3.32	0.73	0,06	2	0,06*
	GV	3.41	0.85			3.39	0.95			
	Chung	3.33	0.87			3.35	0.92			
Kỹ năng quan sát, nhận biết các tình huống có nguy cơ xâm hại	CBQL	3.36	0.69	0,26	1	3.33	0.82	0,13	1	-0,04
	GV	3.38	0.81			3.39	0.85			
	Chung	3.34	0.80			3.36	0.84			
Kỹ năng đánh giá mức độ nghiêm trọng của tình huống nguy cơ xâm hại	CBQL	3.30	0.97	0,11	3	3.31	0.88	0,28	4	0.09*
	GV	3.35	0.93			3.33	1.02			
	Chung	3.32	0.94			3.32	1.00			
Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề sau khi nhận	CBQL	3.30	0.80	0,31	4	3.34	0.85	0,09	3	0,037**
	GV	3.32	0.83			3.35	0.92			

diện được các biểu hiện có nguy cơ xâm hại	Chung	3.31	0.82			3.33	0.91			
Kĩ năng ứng phó xâm hại										
Kĩ năng chống trả, phản kháng ngay lập tức thông qua thái độ, lời nói và hành động	CBQL	3.30	0.79	0,09	3	3.314	0.88	0,15	3	- 0.10
	GV	3.31	0.70			3.31	0.80			
	Chung	3.30	0.72			3.32	0.81			
Kĩ năng thoát khỏi tình huống nguy cơ xâm hại	CBQL	3.36	0.89	0,20	1	3.37	0.84	0,06	1	0.07*
	GV	3.32	0.82			3.36	0.84			
	Chung	3.34	0.84			3.36	0.84			
Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trước nguy cơ xâm hại	CBQL	3.37	0.88	0,14	2	3.31	0.85	0,19	2	0.18*
	GV	3.321	0.74			3.38	0.87			
	Chung	3.33	0.76			3.34	0.86			

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, xét chung toàn mẫu, CBQL và GV đánh giá thực trạng giáo dục kĩ năng phòng ngừa và ứng phó với xâm hại cho HS ở một số trường tiểu học địa bàn nghiên cứu ở mức độ “thỉnh thoảng” (**M** kĩ năng phòng ngừa = 3,31-3,34; **M** kĩ năng ứng phó = 3,30-3,34), đồng thời đánh giá hiệu quả của các nội dung này ở mức “trung bình” (**M** kĩ năng phòng ngừa = 3,32-3,36; **M** kĩ năng ứng phó = 3,34-3,36). Kết quả kiểm định t-test chỉ rõ, không có sự khác biệt có ý nghĩa về **M** trong đánh giá của CBQL và GV về mức độ và hiệu quả thực hiện giáo dục kĩ năng phòng ngừa và ứng phó với xâm hại cho HS (Sig. > 0.05).

Tương quan về mức độ và hiệu quả thực hiện: Kết quả kiểm nghiệm tương quan Pearson cho thấy, trong từng nội dung, mức độ thường xuyên và tính hiệu quả có mối quan hệ tương quan thuận ($r = 0.06-0.37$ đối với nhóm kĩ năng ứng phó; $r = 0.07-0.18$ đối với nhóm kĩ năng phòng ngừa). Kết quả này chứng tỏ rằng, trường tiểu học càng quan tâm thực hiện giáo dục kĩ năng phòng ngừa và ứng phó với xâm hại cho HS thường xuyên thì mức độ hiệu quả càng cao. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu thể hiện 2 nội dung “Kĩ năng quan sát, nhận biết các tình huống có nguy cơ xâm hại” và “Kĩ năng chống trả, phản kháng lại thông qua thái độ, lời nói và hành động” không có mối quan hệ tương quan.

2.2.2.3. Thực trạng giáo dục kĩ năng bổ trợ phòng ngừa và ứng phó với xâm hại cho học sinh tiểu học

Bảng 3. Ý kiến của CBQL và GV về hoạt động giáo dục kĩ năng phòng ngừa và ứng phó với xâm hại cho HS

Giáo dục kĩ năng bổ trợ phòng ngừa và ứng phó với xâm hại	Đối tượng	Mức độ thực hiện				Mức độ hiệu quả				r
		M	SD	Sig.	TB	M	SD	Sig.	TB	
Kĩ năng từ chối	CBQL	3.32	0.79	0,22	5	3.35	0.95	0,08	3	0.06*
	GV	3.34	0.68			3.32	0.90			
	Chung	3.33	0.71			3.34	0.91			
Kĩ năng quản lí cảm xúc	CBQL	3.36	0.59	0,16	3	3.34	0.72	0,23	2	-0.09
	GV	3.33	0.65			3.36	0.91			
	Chung	3.35	0.64			3.36	0.88			
Kĩ năng giao tiếp	CBQL	3.34	0.85	0,10	1	3.36	0.95	0,18	1	0.14*
	GV	3.44	0.77			3.40	0.95			
	Chung	3.39	0.79			3.38	0.96			
Kĩ năng thương lượng	CBQL	3.36	0.94	0,30	4	3.31	0.83	0,11	4	0.20*
	GV	3.33	0.85			3.23	0.87			
	Chung	3.34	0.86			3.27	0.86			
Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn/xung đột	CBQL	3.32	0.93	0,18	2	3.36	1.01	0,27	2	0.23**
	GV	3.40	0.86			3.35	0.95			
	Chung	3.36	0.87			3.36	0.96			

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy, xét chung toàn mẫu, CBQL và GV đánh giá thực trạng giáo dục kĩ năng bổ trợ phòng ngừa và ứng phó với xâm hại cho HS ở một số trường tiểu học ở mức độ “thỉnh thoảng” (**M** chung = 3,33-3,39) và hiệu quả ở mức “trung bình” (**M** chung = 3,27-3,38). Trong đó, các nội dung được CBQL và GV lựa chọn xếp thứ bậc cao hơn là: Kĩ năng giao tiếp; giải quyết mâu thuẫn; quản lí cảm xúc. Kĩ năng từ chối, thương lượng được đánh giá thấp nhất về mức độ và hiệu quả thực hiện. Kết quả kiểm định t-test chỉ rõ, không có sự khác biệt có ý nghĩa về điểm **M** trong đánh giá của 2 nhóm CBQL và GV về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện nội dung giáo dục này (Sig. > 0.05). Nhìn chung việc thực hiện giáo dục kĩ năng bổ trợ phòng ngừa và ứng phó với xâm hại cho HS ở các trường tiểu học ở mức độ thỉnh thoảng và hiệu quả ở mức trung bình.

Tương quan về mức độ và hiệu quả thực hiện: Kết quả kiểm nghiệm tương quan Pearson cho thấy, trong từng nội dung, mức độ thường xuyên và tính hiệu quả có mối quan hệ tương quan thuận ($r = 0.06-0.23$). Kết quả này chứng tỏ rằng, trường tiểu học càng quan tâm thực hiện giáo dục kỹ năng bổ trợ phòng ngừa và ứng phó với xâm hại cho HS thường xuyên thì mức độ hiệu quả càng cao.

2.2.2.4. Thực trạng giáo dục thái độ phù hợp đối với hành vi xâm hại trẻ em

Bảng 4. Ý kiến của CBQL và GV về hoạt động giáo dục thái độ phù hợp đối với hành viXHTE

Giáo dục HS thái độ phù hợp đối với hành vi XHTE	Đối tượng	Mức độ thực hiện				Mức độ hiệu quả				r
		M	SD	Sig.	TB	M	SD	Sig.	TB	
Tôn trọng cơ thể, nhân phẩm của mình và người khác	CBQL	3.74	0.76	0,35	2	3.95	0.93	0,12	3	0,05
	GV	3.60	0.74			3.58	0.79			
	Chung	3.63	0.74			3.65	0.82			
Trách nhiệm trong việc bảo vệ cơ thể, bản thân	CBQL	4.07	0.96	0,27	4	3.53	0.83	0,26	4	0,07
	GV	3.40	0.71			3.66	0.82			
	Chung	3.52	0.79			3.64	0.82			
Thái độ lên án, phản đối hành vi XHTE	CBQL	3.67	1.02	0,14	1	3.70	0.89	0,16	3	0,22**
	GV	3.63	0.84			3.63	0.78			
	Chung	3.64	0.87			3.65	0.80			
Thái độ cảm thông, chia sẻ đối với những nạn nhân bị xâm hại	CBQL	3.56	0.77	0,28	5	3.74	0.79	0,21	1	0,09
	GV	3.38	0.72			3.94	0.90			
	Chung	3.41	0.73			3.90	0.88			
Tích cực, trách nhiệm trong việc tuyên truyền về phòng chống XHTE	CBQL	3.70	0.77	0,22	3	3.81	0.93	0,10	2	0,14*
	GV	3.58	0.82			3.75	0.92			
	Chung	3.60	0.81			3.76	0.92			

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy, xét chung toàn mẫu, các nội dung khảo sát được CBQL và GV đánh giá ở mức độ thực hiện “thường xuyên” (M chung = 3,41 - 3,64) và hiệu quả ở mức độ “khá” (M chung = 3,64 - 3,90). Kết quả kiểm định chỉ ra rằng, không có sự khác biệt trong đánh giá của CBQL và GV về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các nội dung này cho HS (Sig. > 0,05).

Tương quan về mức độ và hiệu quả thực hiện: Kết quả kiểm nghiệm tương quan về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện của cách giáo dục thái độ phù hợp đối với hành vi XHTE cho HS thể hiện, trong từng nội dung, mức điểm hệ số tương quan cùng biến thiên theo 1 hướng ($r > 0$, hệ số tương quan thuận) cho thấy mức tương quan chặt chẽ. Trong đó, nội dung “Thái độ lên án, phản đối hành vi XHTE” ($r = 0,22^{**}$) có mối tương quan thuận chặt chẽ nhất. Kết quả này chứng tỏ rằng, trường tiểu học càng thường xuyên thực hiện giáo dục thái độ phù hợp đối với hành vi XHTE cho HS thì hiệu quả giáo dục càng cao.

2.2.3. Nhận định chung về hoạt động giáo dục phòng ngừa xâm hại cho học sinh ở một số trường tiểu học huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhìn chung, giáo dục phòng ngừa XHTE cho HS ở một số trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu thực hiện ở mức thường xuyên và hiệu quả ở mức khá đối với giáo dục nhận thức và thái độ (bảng 1, bảng 4); mức thỉnh thoảng và hiệu quả ở mức trung bình đối với giáo dục kỹ năng phòng ngừa và ứng phó với xâm hại (bảng 2, bảng 3). Điều đó thể hiện sự hạn chế trong giáo dục phòng ngừa XHTE, nhà trường và GV chỉ trang bị kiến thức và mà chưa tăng cường thực hành, rèn luyện để hình thành cho HS các kỹ năng phòng chống xâm hại. Trong khi đó, việc giáo dục hình thành một kỹ năng, thói quen hành vi cho HS cần đảm bảo thống nhất giữa nhận thức và hành vi (Nguyễn Văn Hộ và Hà Thị Đức, 2002). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có điểm tương đồng với nghiên cứu của tác giả Trương Quốc Hội (2019), trong đó các nội dung giáo dục phòng ngừa XHTE cho HS tiểu học trên địa bàn TP. Nam Định, tỉnh Nam Định được thực hiện ở mức trung bình (M = 2,24); nghiên cứu nhóm tác giả Phạm Thị Thúy Hằng và cộng sự (2019) cho thấy, giáo dục nhận thức về phòng chống xâm hại cho HS được các trường tiểu học TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện thường xuyên nhưng ít hiệu quả; các kỹ năng phòng chống xâm hại cho HS chưa được thực hiện thường xuyên. Qua các nghiên cứu, có thể thấy nguyên nhân của thực trạng này là do việc giáo dục phòng chống xâm hại chỉ dừng lại ở mức độ trang bị kiến thức, HS thiếu được rèn luyện, thực hành, áp dụng vào các tình huống để hình thành kỹ năng nên hiệu quả giáo dục chưa cao. Ở góc độ khác, rất nhiều cha mẹ HS có tâm lý đây là những nội dung nhạy cảm, không phù hợp với đặc điểm tâm lý HS tiểu học. Vì vậy, việc bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em cho phụ huynh hiện nay được đánh giá là vấn đề quan trọng và cấp thiết (Nguyễn Thị Tinh và Mai Quốc Khánh, 2018).

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc thực hiện giáo dục phòng ngừa XHTE cho HS tiểu học trên địa bàn nghiên cứu có mức độ và hiệu quả thực hiện chưa cao. Những chỉ báo trong từng thành phần của nội dung giáo dục kỹ năng phòng ngừa XHTE phổ biến ở mức độ thỉnh thoảng và hiệu quả ở mức trung bình. Để thực hiện giáo dục phòng ngừa XHTE cho HS tiểu học trên địa bàn nghiên cứu hiệu quả hơn, cần xây dựng và thực hiện một cách có chương trình, kế hoạch, hệ thống các nội dung giáo dục phòng chống xâm hại với phương pháp, hình thức, đánh giá kết quả giáo dục phù hợp với mục đích và nhiệm vụ giáo dục phòng chống xâm hại cho HS; tổ chức hoạt động giáo dục có sự thống nhất giữa nhận thức và hình thành hành vi, kỹ năng phòng chống xâm hại cho HS; chú trọng trang bị cả kiến thức và thực hành rèn luyện kỹ năng phòng chống xâm hại cho HS; đảm bảo tính hệ thống, kế tiếp và liên tục trong hoạt động giáo dục phòng chống xâm hại cho HS; chú ý củng cố, luyện tập liên tục, kéo dài để nhận thức, tình cảm, thái độ, hành vi đã được hình thành ở HS trở nên ổn định và vững chắc. Giáo dục phòng chống xâm hại cho HS cần thực hiện trong sự phối hợp các môi trường giáo dục, các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội với sự tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi cá nhân HS.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Cục Trẻ em (2022). *Lên tiếng phòng, chống xâm hại, bạo lực trẻ em*. <https://www.molisa.gov.vn/baiviet/231428?tintucID=231428>
- Felitti, V. J., Anda, R. F., Nordenberg, D., Williamson, D. F., Spitz, A. M., Edwards, V., Koss, M. P. & Marks, J. S. (1998). Relationship of childhood abuse and household dysfunction to many of the leading causes of death in adults. The Adverse Childhood Experiences (ACE) Study. *American Journal of Preventive Medicine*, 14(4), 245-258. [https://doi.org/10.1016/S0749-3797\(98\)00017-8](https://doi.org/10.1016/S0749-3797(98)00017-8)
- Liên Hợp Quốc (1990). *Công ước Quyền trẻ em*.
- Nguyễn Thanh Hùng, Phạm Thị Thuý Hằng (2019). Mô hình quản lý chất lượng hoạt động giáo dục phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 459, 9-15.
- Nguyễn Thị Tĩnh, Mai Quốc Khánh (2018). Bồi dưỡng kỹ năng phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em cho phụ huynh. *Tạp chí Giáo dục*, 429, 16-18; 10.
- Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức (2002). *Giáo dục học đại cương* (Phần thứ 3 Lý luận giáo dục). NXB Giáo dục.
- Phạm Thị Thuý Hằng, Phan Minh Tiến, Mai Thị Thanh Thuý, Nguyễn Thị Ngọc Bé, Nguyễn Thị Hà (2019). Thực trạng giáo dục kỹ năng phòng ngừa xâm hại tình dục thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học thành phố Huế. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 64(2A), 274-284.
- Quốc hội (2016). *Luật trẻ em*. Luật số 102/2016/QH13, ban hành ngày 05/4/2016.
- Solehati, T., Pramukti, I., Hermayanti, Y., Kosasih, C. E., Mediani, H. S. (2021). Current of Child Sexual Abuse in Asia: A Systematic Review of Prevalence, Impact, Age of First Exposure, Perpetrators, and Place of Offence. *Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences*, 9(T6), 57-68.
- Thủ tướng Chính phủ (2019). *Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 23/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020-2025*.
- Trương Quốc Hội (2019). Thực trạng hoạt động giáo dục phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh các trường tiểu học tại thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. *Tạp chí Giáo dục*, 464, 35-38; 24.
- U.S. Department of Health & Human Services (2023). *Child Maltreatment 2021*. <https://www.acf.hhs.gov/cb/data-research/child-maltreatment>
- United Nations Children's Fund (2023). *International Classification of Violence against Children*. New York.
- Vũ Thị Phương (2017). Bảo vệ trẻ em bằng pháp luật và sự chung tay của nhiều chủ thể. *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, 20(348), 17-21.
- Walsh, K., Zwi, K., Woolfenden, S., Shlonsky, A. (2015). School-Based Education Programs for the Prevention of Child Sexual Abuse: A Cochrane Systematic Review and Meta-Analysis. *Research on Social Work Practice (RSWP)*, 28(1). <https://doi.org/10.1177/1049731515619705>